

Số: 41A/2024/QĐST-DS

Q, ngày 22 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 56/2024/TLST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.**

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Khương Đức T – Phó Phòng giao dịch Tân Triều Chi nhánh Thanh Trì (Theo Giấy ủy quyền số 89/2024/GUQ-TT ngày 18/3/2024.

- **Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1973.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969.
- + Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1932 (bố ông H, đã ủy quyền cho ông H theo văn bản ủy quyền ngày 11/4/2024).
- + Cháu Nguyễn Mạnh Cường, sinh năm 2011 và Nguyễn Đức Mạnh, sinh năm 2012 (con của ông H - bà H1, do ông bà là người đại diện theo pháp luật).

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng đăng ký thường trú tại: Đội 13, thôn Bái Nội, xã LT, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn H – bà Nguyễn Thị H1 và Ngân hàng TMCP Sài Gòn TH1 Tín xác nhận tạm tính đến ngày 11/4/2024, ông H – bà H1 còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn TH1 Tín số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng số LD1905200084 ngày 25/02/2019 và Giấy nhận nợ số 26022019 ngày 26/02/2019 là 679.891.607 đồng (Sáu trăm bảy mươi chín triệu tám trăm chín mươi một nghìn sáu trăm linh bảy đồng), cụ thể:

+ Nợ gốc: 489.780.000đ (Bốn trăm tám mươi chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 150.249.582đ (Một trăm năm mươi triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm tám mươi hai đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 22.713.853đ (Hai mươi hai triệu bảy trăm mười ba nghìn tám trăm năm mươi ba đồng).

+Nợ lãi phạt chậm trả lãi: 17.148.172đ (Mười bảy triệu một trăm bốn mươi tám nghìn một trăm bảy mươi hai đồng).

2.2. Kể từ ngày 12/4/2024, ông Nguyễn Văn H – bà Nguyễn Thị H1 phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chưa trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1905200084 ngày 25/02/2019 và Giấy nhận nợ số 26022019 ngày 26/02/2019 cho đến khi trả hết nợ, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TH1 Tín thì lãi suất mà ông H – bà H1 phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TH1 Tín.

2.3. Ông Nguyễn Văn H – bà Nguyễn Thị H1 cam kết chậm nhất đến ngày

31/10/2024 ông bà sẽ thanh toán trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn TH1 Tín số tiền 679.891.607 đồng (Sáu trăm bảy mươi chín triệu tám trăm chín mươi một nghìn sáu trăm linh bảy đồng) nói trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/4/2024 như nêu tại mục 2.2 cho đến thời điểm tất toán toàn bộ khoản vay.

2.4. Trường hợp đến hạn phải trả nợ (ngày 31/10/2024) mà ông Nguyễn Văn H – bà Nguyễn Thị H1 không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn phải trả thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn TH1 Tín có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LD1905200084/HĐTC ngày 25/02/2019 do Văn phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội công chứng số: 345, quyền số 02.2019 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/02/2019, để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Q ngày 25/02/2019. Tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của thửa đất số: 30, tờ bản đồ số: 02 tại thôn Bái Nội, xã LT, huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Thành phố Hà Nội). Thửa đất đã được UBND huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 742475, vào sổ cấp GCN số: 0239 ngày 29/11/2006 cho hộ ông Nguyễn Văn H2 và bà Đỗ Thị Thù. Ngày 24/11/2017 đã tặng cho toàn bộ thửa đất cho ông Nguyễn Văn H theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 2342.2017/HĐTC, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Toàn Tâm công chứng ngày 09/11/2017.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông H – bà H1 cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TH1 Tín. Trường hợp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông H – bà H1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho ngân hàng.

Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm. Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự và những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, đang sinh sống tại tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

2.5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H – bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện chịu toàn bộ 15.597.000đ (Mười lăm triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn TH1 Tín được nhận lại số tiền 15.480.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0019950 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../2024/QĐ-SCBSQĐ

Q, ngày 15 tháng 3 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung quyết định do sơ suất trong quá trình đánh máy trong Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 105/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội đã giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB). Địa chỉ: Số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Ngọc Linh – Chuyên viên xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng TMCP Quốc Dân theo Giấy ủy quyền số 620/2023/UQ-NCB 01 ngày 11/9/2023.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến Mậu, sinh năm 1956 và vợ Tạ Thị Loan, sinh năm 1957. Hiện cùng cư trú tại: Xóm 10, thôn Phúc Đức, xã Sài Sơn, huyện Q, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Tiến Mậu, sinh năm 1956 và vợ Tạ Thị Loan, sinh năm 1957. Hiện cùng cư trú tại: Xóm 10, thôn Phúc Đức, xã Sài Sơn, huyện Q, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Tiến Luyện và vợ Bùi Thị Thắng cùng các con Nguyễn Tiến Nguyên, Nguyễn Thị Mỹ Duyên. Hiện cùng cư trú tại: Xóm 8, thôn Phúc Đức, xã Sài Sơn, huyện Q, thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 105/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội như sau:

Tại dòng thứ 7 từ dưới lên, trang 3 của quyết định đã ghi: “30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Mậu - bà Loan còn phải nộp số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H.Q;
- Chi cục THADS H.Q;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 53-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm và ra bản án; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án (ví dụ: Số: 10/2017/QĐ-SCBA).
- (3) Tuy từng trường hợp mà ghi cụ thể “lỗi rõ ràng về chính tả”, “nhầm lẫn về số liệu” hoặc “tính toán sai”.
- (4) Ghi số bản án và ngày tháng năm ra bản án (ví dụ: Số:15/2017/DSST-KDTM ngày 20-4-2017).
- (5) Ghi tên Tòa án nhân dân đã ra bản án đó theo cách ghi hướng dẫn tại điểm (1).
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (7) Trích lại nguyên văn phần bản án phát hiện có sai sót cần sửa chữa, bổ sung.
- (8) Ghi đầy đủ nội dung cần sửa chữa, bổ sung để khắc phục sai sót.
- (9) Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phối hợp với các Hội thẩm nhân dân là thành viên Hội đồng xét xử đã tuyên bản án đó phải ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án. Nếu Thẩm phán đã xét xét xử vụ án đó không còn đảm nhiệm chức vụ Thẩm phán tại Tòa án đã ra bản án đó thì Chánh án Tòa án phải thực hiện việc sửa chữa, bổ sung bản án